

Sự chuẩn bị cho tuổi già của lao động khu vực phi chính thức ở nông thôn Hà Nội hiện nay

Lương Ngọc Thúy^(*)

Tóm tắt: Bài viết phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự chuẩn bị cho tuổi già của lao động khu vực phi chính thức trong bối cảnh già hóa dân số ở Việt Nam. Kết quả khảo sát cho thấy, lao động khu vực phi chính thức do thu nhập bấp bênh và không có bảo hiểm xã hội nên phải tự tích lũy tài chính và chủ động tham gia bảo hiểm để đảm bảo cuộc sống khi về già. Nam giới, người cao tuổi, gia đình ít con và có 1-2 trụ cột kinh tế thường có nhận thức và hành vi chuẩn bị tốt hơn, tuy nhiên thu nhập thấp và chi phí khám, chữa bệnh cao là rào cản lớn. Lao động khu vực phi chính thức chủ yếu chọn tiết kiệm, làm thêm hoặc đầu tư để chuẩn bị tài chính; bảo hiểm y tế tự nguyện được ưu tiên do phù hợp với khả năng chi trả, còn bảo hiểm nhân thọ được xem là giải pháp tích lũy kết hợp bảo vệ. Nhận thức về tài chính và bảo hiểm chịu ảnh hưởng bởi giới tính, số con, cấu trúc gia đình và mức chi y tế.

Từ khóa: Người cao tuổi, Chuẩn bị cho tuổi già, Tài chính, Bảo hiểm

Abstract: The article analyzes factors affecting the preparation for old age among informal sector workers in the context of Vietnam's population aging. Survey results indicate that due to unstable incomes and lack of social insurance, workers in informal employment must rely on personal savings and proactively participate in insurance schemes to secure their livings in old age. Men, older individuals, families with fewer children, and those with one or two primary breadwinners tend to be better prepared. However, low income and high healthcare costs remain significant barriers. Own-account workers primarily choose savings, side jobs, or investments for financial preparation; voluntary health insurance is prioritized due to affordability, while life insurance is viewed as a combined savings and protection solution. Financial and insurance awareness is influenced by gender, number of children, family structure and health care spending.

Keywords: Older Adults, Preparation for Old Age, Finances, Insurance

Ngày nhận bài: 27/6/2025; Ngày duyệt đăng: 27/7/2025

1. Mở đầu

Trong bối cảnh dân số Việt Nam đang bước vào giai đoạn già hóa nhanh chóng,

vấn đề an sinh xã hội và chuẩn bị cho tuổi già ngày càng trở nên cấp thiết. Đặc biệt, lao động trong khu vực phi chính thức chiếm tỷ lệ lớn trong lực lượng lao động cả nước. Theo Tổng cục Thống kê (2022), năm 2021 Việt Nam có 33,6 triệu lao động có việc

^(*) ThS., Viện Xã hội học và Tâm lý học;
Email: lnthuy2001@gmail.com

làm phi chính thức, chiếm tới 68,5% tổng số lao động có việc làm. Lao động trong khu vực phi chính thức thường phải đối mặt với nhiều rủi ro hơn do thiếu sự bảo vệ từ các chính sách xã hội chính thức như bảo hiểm hưu trí hay bảo hiểm y tế. Việc hiểu rõ sự chuẩn bị cho tuổi già của nhóm lao động này không chỉ góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cá nhân mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng các chính sách an sinh xã hội phù hợp và bền vững. Bài viết tập trung phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự chuẩn bị cho tuổi già của lao động khu vực phi chính thức dưới góc độ chuẩn bị về tài chính, tham gia bảo hiểm, từ đó đề xuất những giải pháp nhằm cải thiện tình hình.

Tư liệu trong bài viết là kết quả nghiên cứu của Đề tài “Khảo sát nhận thức và hành vi chuẩn bị cho tuổi già của lao động khu vực phi chính thức”, thực hiện năm 2024. Mẫu khảo sát là 150 người trong độ tuổi từ 49-59, đang làm việc trong khu vực phi chính thức nhưng không có hợp đồng lao động tại huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội¹, trong đó nam là 77 người, nữ là 73 người.

2. Sự chuẩn bị cho tuổi già của lao động khu vực phi chính thức

2.1. Sự chuẩn bị tài chính

Số liệu ở Bảng 1 cho thấy, những lựa chọn và cách thức chuẩn bị tài chính cho tuổi già của lao động khu vực phi chính thức dựa trên các nhóm nhân khẩu học.

Nhóm giới tính: Có sự khác biệt giữa nam giới và nữ giới trong việc chuẩn bị về kinh tế. Cụ thể, nam giới có xu hướng làm song song hai công việc nhiều hơn (22,6%)

so với nữ giới (19,8%), trong khi nữ giới lựa chọn chi tiêu tiết kiệm hơn nam giới (5,8% so với 1,3%). Điều này phản ánh vai trò xã hội và trách nhiệm tài chính khác nhau giữa hai giới. Phụ nữ ở nông thôn thường phải gánh vác nhiều trách nhiệm và là người quản lý tài chính, chi tiêu trong gia đình. Khi làm việc trong khu vực phi chính thức, họ không có nguồn thu nhập ổn định nên việc lo lắng về tài chính trong tương lai là dễ hiểu. Chính vì vậy, họ lựa chọn tiết kiệm để đối phó với những tình huống không lường trước được, đặc biệt là khi về già.

Nhóm trình độ học vấn: Những người có trình độ từ tiểu học trở xuống có xu hướng lựa chọn tiết kiệm chi tiêu cao hơn (67,3%), trong khi những người có trình độ cao hơn (học hết trung học cơ sở) lựa chọn làm song song nhiều công việc hơn (21,3%). Điều này cho thấy, trình độ học vấn cao có thể giúp cá nhân dễ dàng hơn trong việc đảm nhận nhiều công việc cùng lúc, nhằm cải thiện thu nhập. Do đó, để chuẩn bị tài chính cho tuổi già, thay vì lựa chọn tiết kiệm chi tiêu thì họ lựa chọn làm nhiều công việc hơn, kiếm thêm thu nhập để đảm bảo cho cuộc sống hiện tại và chuẩn bị nguồn lực tài chính cho tuổi già.

Tình trạng hôn nhân: Người đã kết hôn chọn đầu tư bất động sản, chứng khoán, vàng chiếm tỷ lệ cao hơn so với những người còn lại (13,7% so với 8,7%). Có thể thấy, người đã kết hôn lựa chọn đầu tư phổ biến hơn, có lẽ do họ thấy rằng cần xây dựng nền tảng tài chính vững chắc hơn để đảm bảo an toàn kinh tế cho gia đình, từ đó tạo nên nguồn vốn chuẩn bị cho tuổi già. Trong khi đó, những nhóm góa, ly hôn, ly thân thường có nền tảng tài chính thấp hơn, khả năng làm ăn kinh tế kém hiệu quả hơn.

¹ Tên huyện theo địa giới hành chính cũ trước thời điểm tháng 7/2025, nay là xã Hòa Xá, thành phố Hà Nội.

Bảng 1: Cách thức chuẩn bị tài chính cho tuổi già phân theo đặc điểm nhân khẩu học (%)

	Tìm công việc khác có thu nhập cao hơn	Làm song song hai công việc	Chi tiêu tiết kiệm	Đầu tư bất động sản, chứng khoán, vàng	Khác
Giới tính					
Nam	1,6	22,6	1,3	12,9	1,6
Nữ	0,9	19,8	5,8	13,5	0
Nhóm tuổi					
45-49	1,6	21,9	2,5	12,5	1,6
50-59	1,2	21,1	3,7	13,5	0,6
Trình độ học vấn					
Tiểu học trở xuống	0	20,2	7,3	12,5	0
THCS	1,3	21,3	5,0	12,5	0
THPT trở lên	3,9	23,5	2,9	15,7	3,9
Tình trạng hôn nhân					
Đang có vợ/chồng	1,4	22,2	1,8	13,7	0,9
Khác	0	13	8,3	8,7	0
Tổng số con					
Có từ 1-2 con	1,4	21,3	1,7	14,2	1,4
3 con trở lên	1,1	21,3	6,0	11,7	0
Nghề chính					
Bán hàng	0	25,8	2,8	20,2	1,1
Làm nông nghiệp	2,3	11,6	9,8	14,0	2,3
Thợ xây, thợ mộc, thợ hàn xì, thợ may	1,5	25,4	5,7	7,5	0
Nghề khác	2,8	13,9	7,8	5,6	0
Số thế hệ trong gia đình					
Gia đình hạt nhân	2,0	22,8	5,3	8,9	1,0
Gia đình mở rộng	0,7	20,1	1,9	16,4	0,7
Số thành viên đi làm có thu nhập					
1-2 người	2,6	15,4	1,8	7,7	2,6
3 người	2,7	21,3	4,0	10,7	1,3
4 người trở lên	0	23,1	0,3	16,5	0
Thu nhập trung bình /tháng					
5 triệu đồng trở xuống	0	3,8	6,2	0	0
6-9 triệu đồng	1,7	19,1	9,6	8,7	0,9
10 triệu đồng trở lên	1,1	28,7	6,8	22,3	1,1

Nguồn: Khảo sát của Đề tài (2024).

Tổng số con hiện có: nhóm có từ 3 con trở lên có tỷ lệ chi tiêu tiết kiệm cao hơn (66%) so với nhóm có từ 1-2 con (1,7%). Điều này cho thấy những gia đình có nhiều con thường phải kiểm soát tài chính chặt chẽ hơn để đáp ứng nhu cầu của con cái, khiến họ ưu tiên tiết kiệm trong chi tiêu hàng ngày. Cả hai nhóm đều có cùng tỷ lệ làm song song hai công việc là 21,3%, cho thấy số lượng con cái không ảnh hưởng đáng kể đến xu hướng tăng thêm nguồn thu nhập bằng cách làm nhiều hơn một công việc. Việc duy trì hai công việc có thể đảm bảo an toàn tài chính, bất kể số lượng con cái. Với nhóm có từ 1-2 con, tỷ lệ tìm kiếm công việc khác chiếm 1,4%, trong khi ở nhóm có từ 3 con trở lên, tỷ lệ này là 1,1%. Sự chênh lệch này phản ánh áp lực tài chính tăng lên khi có thêm con cái, nhưng đồng thời cho thấy những gia đình lớn hơn có xu hướng ổn định hơn trong công việc hiện tại và ít tìm kiếm thay đổi công việc hơn. Đối với việc đầu tư vào bất động sản, chứng khoán, vàng: Ở nhóm có từ 1-2 con, tỷ lệ đầu tư là 14,2%, cao hơn so với nhóm có từ 3 con trở lên (11,7%). Việc đầu tư nhiều hơn ở các gia đình có từ 1-2 con phản ánh sự linh hoạt tài chính cao hơn, giúp họ có thể đầu tư để tăng giá trị tài sản. Trong khi đó, nhóm có nhiều con hơn có thể gặp khó khăn hơn trong việc phân bổ nguồn lực tài chính cho các khoản đầu tư dài hạn.

Nhóm nghề nghiệp: người làm nông nghiệp có xu hướng tiết kiệm cao nhất (9,8%), tiếp theo là nhóm thợ xây, thợ mộc (5,7%), trong khi các ngành nghề khác có tỷ lệ đầu tư thấp hơn. Đáng chú ý là, những người bán hàng thường có tỷ lệ làm hai công việc cao nhất (25,8%), lý giải cho điều này là do đặc thù công việc bán hàng có thời gian linh hoạt hơn nên họ có thể làm thêm nghề khác.

Số năm làm việc: những người có kinh nghiệm làm việc từ 3 năm trở lên có xu hướng làm song song nhiều công việc cao hơn (25,4%) so với những người làm việc dưới một năm (19,7%). Điều này cho thấy khi có kinh nghiệm, các cá nhân dễ dàng tiếp cận hoặc quản lý các công việc bổ sung để tăng thu nhập. Qua đó họ có cuộc sống tốt hơn cũng như tăng khả năng tiết kiệm về tài chính cho bản thân và gia đình khi về già.

Cấu trúc gia đình và số thành viên đi làm: gia đình hạt nhân có tỷ lệ chi tiêu tiết kiệm cao hơn (5,3%) so với gia đình mở rộng (1,9%). Đặc biệt, gia đình có từ 1-2 người đi làm có tỷ lệ tiết kiệm cao nhất (1,8%), có thể do áp lực thu nhập thấp dẫn đến việc tiết kiệm trở thành ưu tiên hàng đầu. Cùng với đó, gia đình mở rộng có nhiều thành viên hơn, việc chi tiêu trong gia đình cũng vì thế mà nhiều hơn so với các gia đình có từ 1-2 người. Điều này khiến các gia đình mở rộng không có khả năng tiết kiệm tài chính như các gia đình hạt nhân.

Mức thu nhập trung bình hằng tháng: những cá nhân có thu nhập thấp (5 triệu đồng/tháng trở xuống) gần như chọn tiết kiệm (6,2%), trong khi những người có thu nhập từ 10 triệu đồng/tháng trở lên có xu hướng đầu tư nhiều hơn (22,3%) và làm song song hai công việc (28,7%). Kết quả này cho thấy khi thu nhập tăng, các cá nhân có khả năng đầu tư vào các kênh khác nhau để gia tăng tài sản thay vì chỉ tập trung vào tiết kiệm. Đây là một trong những yếu tố giúp phát triển kinh tế hộ gia đình, tăng các khoản đầu tư đồng nghĩa với quá trình làm kinh tế có nhiều thay đổi. Những hoạt động đầu tư này là một trong những yếu tố góp phần tích lũy tài chính cho hiện tại và tăng nguồn kinh phí chuẩn bị cho tuổi già trong tương lai của họ.

Có thể thấy, các nhóm giới tính, trình độ học vấn, nghề nghiệp và thu nhập đều có ảnh hưởng lớn đến cách lựa chọn các hình thức chuẩn bị tài chính cho tuổi già của người lao động khu vực phi chính thức. Những yếu tố này không chỉ phản ánh khả năng tài chính hiện tại mà còn cho thấy các quan điểm và ưu tiên khác nhau trong việc đối mặt với các vấn đề về tài chính trong tương lai.

2.2. Tham gia bảo hiểm

Điều đặc biệt trong khảo sát này là người dân chọn mua bảo hiểm nhân thọ nhiều hơn bảo hiểm xã hội tự nguyện, lý giải cho điều này là bởi hiện nay một số loại bảo hiểm nhân thọ không chỉ mang tính chất bảo vệ mà còn kết hợp với hình thức tiết kiệm và đầu tư. Loại hình bảo hiểm này cho phép người tham gia tích lũy tiền trong một khoảng thời gian dài, do đó rất hấp dẫn đối với lao động khu vực phi chính thức. Họ có thể coi bảo hiểm nhân thọ như một phương thức tiết kiệm cho tương lai, đặc biệt là cho tuổi già. Các khoản tiền tích lũy này sẽ giúp họ có một nguồn tài chính hỗ trợ khi về già, thay vì phải phụ thuộc vào

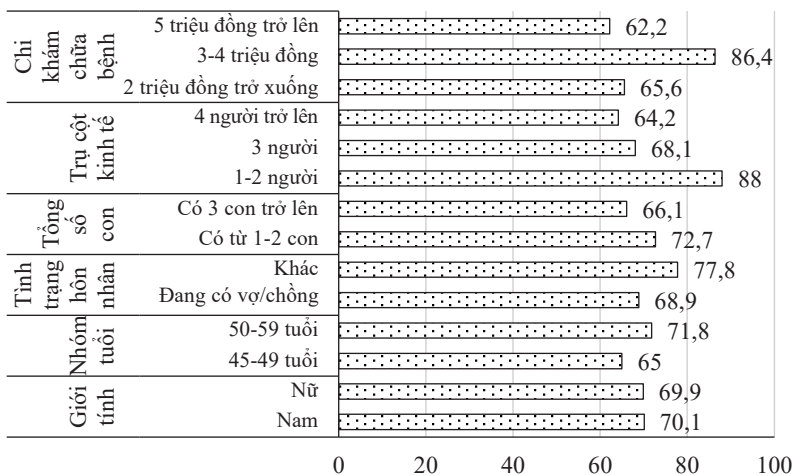
con cái hoặc cộng đồng. Hơn nữa, số tiền từ bảo hiểm còn có thể được sử dụng để hỗ trợ con cái trong các vấn đề như học hành, lập gia đình, mua nhà, hoặc khởi nghiệp trong tương lai.

Số liệu Hình 1 cho thấy, không có sự khác biệt nhiều giữa nam và nữ trong quan niệm tham gia bảo hiểm chuẩn bị cho tuổi già (70,1%, 69,9%). Có sự khác biệt khá rõ giữa các nhóm tuổi, nhóm tuổi từ 50-59 tham gia bảo hiểm nhiều hơn so với nhóm tuổi từ 45-49 (71,8% so với 65%). Khi tuổi càng cao, người ta càng cảm thấy lo lắng về sự suy giảm sức khỏe hoặc các biến cố bất ngờ có thể xảy đến, do đó việc tham gia bảo hiểm là cách để họ có thể bảo vệ bản thân và gia đình khỏi những rủi ro này.

Tình trạng hôn nhân: Nhóm có vợ/chồng tham gia bảo hiểm thấp hơn so với nhóm khác (độc thân, góa, ly hôn, ly thân) (68,9% so với 77,8%). Người độc thân/ly thân, góa, ly hôn khi về già thường ít có người bầu bạn, hỗ trợ nhiều về kinh tế, sức khỏe cũng như tinh thần so với nhóm đối tượng đang có vợ/chồng, do đó, họ

nhận thức việc mua bảo hiểm là để bảo vệ chính họ, đặc biệt là về sức khỏe và tài chính trong trường hợp gặp phải rủi ro. Khi không có người thân trực tiếp chăm sóc, họ cần bảo vệ bản thân trước những khó khăn về tài chính hoặc sức khỏe, ví dụ như bệnh tật, tai nạn, hoặc tuổi già. Trong khi đó, người có vợ/chồng thường phải chi tiêu cho nhiều

Hình 1: Tỷ lệ tham gia bảo hiểm khi chuẩn bị cho tuổi già phân theo các đặc điểm nhân khẩu học (%)



Nguồn: Khảo sát của Đề tài (2024).

thành viên, bao gồm vợ/chồng và con cái, đồng thời có thêm các chi phí khác như giáo dục, nuôi dưỡng, chăm sóc người già... Điều này khiến họ ít ưu tiên cho việc tham gia bảo hiểm hơn.

Tổng số con: Gia đình có từ 1-2 con tham gia bảo hiểm chuẩn bị cho tuổi già cao hơn gia đình có từ 3 con trở lên (72,7% so với 66,1%). Do gia đình có từ 1-2 con chi cho việc nuôi dưỡng và giáo dục ít hơn nên họ có thể dư dả tài chính hơn để dành cho bảo hiểm. Ngược lại, gia đình đông con phải dành nhiều nguồn lực để nuôi dưỡng và giáo dục cho con cái nên làm giảm khả năng tham gia các chương trình bảo hiểm.

Trụ cột kinh tế: Gia đình càng có ít người tạo ra thu nhập thì càng quan tâm đến việc tham gia bảo hiểm: 1-2 người là 88%, 3 người là 68,1%, 4 người trở lên là 64,2%. Lý giải cho điều này là do các gia đình có ít người tạo thu nhập thường có ít nguồn lực dự phòng hơn. Nếu một trong hai người gặp phải vấn đề sức khỏe hoặc mất khả năng lao động, gia đình có thể không có đủ tài chính để duy trì cuộc sống. Chính vì vậy, việc tham gia bảo hiểm giúp họ giảm thiểu các rủi ro tài chính và sức khỏe nếu như có sự cố bất ngờ không may xảy ra.

Chi cho khám, chữa bệnh: Những người chi cho khám, chữa bệnh ở mức 1-2 triệu đồng/năm hoặc 3-4 triệu đồng/năm có xu hướng tham gia các loại hình bảo hiểm nhiều hơn. Nhiều người dân lựa chọn bảo hiểm y tế để phòng ngừa rủi ro sức khỏe trong tương lai. Tuy nhiên, bảo hiểm y tế không chi trả đầy đủ cho tất cả các dịch vụ, nhất là các dịch vụ khám, chữa bệnh có chi phí cao hoặc nằm ngoài danh mục chi trả. Do đó, người dân nông thôn phải cân nhắc mua thêm các loại bảo

hiểm khác. Tuy nhiên, các loại bảo hiểm này thường có phí cao hơn nhiều lần và thường không cho phép những người đã mắc bệnh tham gia. Kết quả là, dù có nhu cầu chi trả cao cho khám, chữa bệnh nhưng bảo hiểm chỉ hỗ trợ một phần nhỏ. Điều này khiến người dân phải cân nhắc tham gia các loại bảo hiểm vì quyền lợi chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế chăm sóc sức khỏe của họ.

Số liệu ở Bảng 2 cho thấy, trong nhóm tham gia loại hình bảo hiểm, tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế tự nguyện cao hơn đáng kể so với các hình thức bảo hiểm khác (như bảo hiểm xã hội tự nguyện hay bảo hiểm nhân thọ,...). Thực tế, bảo hiểm y tế tự nguyện có mức phí đóng thấp hơn các bảo hiểm khác và phù hợp với khả năng tài chính của người lao động khu vực phi chính thức. Với tính chất công việc chủ yếu từ nông nghiệp, lao động tay chân hoặc nghề tự do, mức thu nhập không ổn định, việc tham gia bảo hiểm y tế giúp họ giảm bớt chi phí khám, chữa bệnh khi gặp phải bệnh tật hay tai nạn. Các cơ sở y tế công ở nông thôn như trạm y tế xã có hợp tác với hệ thống bảo hiểm y tế tự nguyện, và việc tham gia bảo hiểm y tế tự nguyện khá dễ dàng nên người dân nông thôn, đặc biệt là lao động khu vực phi chính thức, có thể tham gia một cách nhanh chóng và tiện lợi.

Ở nông thôn, các chương trình tuyên truyền và các chính sách bảo hiểm của Nhà nước được triển khai rộng rãi trong cộng đồng nên người dân nông thôn cũng nhận thức cao hơn về bảo hiểm y tế tự nguyện. Họ thấy rằng đây là một hình thức bảo vệ sức khỏe hiệu quả và có thể giảm bớt những rủi ro tài chính khi gặp phải các tình huống sức khỏe khẩn cấp. Đối với bảo hiểm xã hội tự nguyện, nam giới tham gia nhiều hơn nữ giới, vì trong nhiều gia đình, nam giới

Bảng 2: Tham gia loại hình bảo hiểm theo đặc điểm nhân khẩu học (%)

	Bảo hiểm xã hội tự nguyện	Bảo hiểm y tế tự nguyện	Bảo hiểm nhân thọ	Không tham gia loại bảo hiểm nào
Giới tính				
Nam	10,0	81,1	7,8	1,1
Nữ	2,5	86,4	8,6	2,5
Trình độ học vấn				
Tiểu học trở xuống	0	93,2	6,8	0
Trung học cơ sở	3,4	86,2	6,9	3,4
Trung học phổ thông trở lên	22,5	62,5	12,5	2,5
Tình trạng hôn nhân				
Đang có vợ, chồng	7,2	81,7	9,2	2,0
Khác	0	100	0	0
Tổng số con				
Có từ 1-2 con	8,9	82,2	7,9	1,0
3 con trở lên	2,9	85,7	8,6	2,9
Công việc chính				
Bán hàng	3,6	80,4	16,1	0
Làm nông nghiệp	5,7	88,6	5,7	0
Thợ xây, thợ mộc, thợ hàn xì, thợ may	8,2	85,7	2,0	4,1
Nghề khác	9,7	80,6	6,5	3,2
Thu nhập trung bình/tháng				
5 triệu đồng trở xuống	7,7	92,3	0	0
6-9 triệu đồng	5,5	85,7	6,6	2,2
10 triệu đồng trở lên	7,4	75,9	14,8	1,9
Tiền tiết kiệm/năm				
20 triệu đồng trở xuống	8,3	86,7	1,7	3,3
25-40 triệu đồng	3,2	95,2	1,6	0
50 triệu đồng trở lên	8,2	65,3	24,5	2,0

Nguồn: Khảo sát của Đề tài (2024).

thường là trụ cột chính về mặt tài chính. Họ có xu hướng chú trọng đến việc chuẩn bị tài chính cho tương lai, đặc biệt là khi về già. Việc tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện giúp nam giới đảm bảo được một khoản thu nhập ổn định khi nghỉ việc, đặc biệt nếu họ không tham gia vào hệ thống bảo hiểm xã hội bắt buộc (do làm công việc tự do, lao động phi chính thức). Nhóm có trình độ học vấn trung học phổ thông trở lên cũng lựa chọn tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện nhiều hơn so với nhóm trình độ khác. Nghiên cứu của OECD (2021) và Viện Khoa học Lao động xã hội (2022) ghi nhận nhóm có trình độ trung học phổ thông trở lên tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện cao gấp 3 lần nhóm trình độ thấp hơn, do khả năng hiểu biết và tiếp cận thông tin tốt hơn.

Thu nhập tác động rõ rệt đến việc lựa chọn bảo hiểm. Nhóm thu nhập thấp (<5 triệu đồng/tháng) ưu tiên bảo hiểm y tế tự nguyện (92,3%) do nhu cầu bảo vệ y tế cơ bản, không tham gia bảo hiểm nhân thọ. Nhóm thu nhập trung bình (6-9 triệu đồng/tháng) duy trì bảo hiểm y tế (85,7%) nhưng bắt đầu tham gia bảo hiểm nhân thọ (6,6%). Nhóm thu nhập cao (>10 triệu đồng/tháng) chuyển dịch rõ rệt: bảo hiểm y tế giảm (75,9%), bảo hiểm nhân thọ tăng (14,8%), thể hiện xu hướng đầu tư dài hạn. Tỷ lệ không tham gia bảo hiểm dao động từ 0-2,2%, thấp nhất ở nhóm thu nhập thấp do phụ thuộc bảo hiểm y tế (Xem: Bảng 2). Nghiên cứu của Trương Anh Tuấn (2022) cũng cho thấy hộ gia đình có thu nhập thấp ưu tiên bảo hiểm y tế để bảo vệ nhu cầu y tế cơ bản, trong khi nhóm có trình độ học vấn và thu nhập cao hơn có xu hướng mua thêm các loại bảo hiểm ngoài nhà nước như bảo hiểm nhân thọ hoặc tham gia các sản phẩm tài chính dài hạn hơn.

Những người có công việc tạo ra thu nhập tốt, tiền lương và tiền tiết kiệm cao thường sẽ chọn tham gia bảo hiểm nhân thọ nhiều hơn các nhóm khác. Vì để tham gia bảo hiểm nhân thọ, người mua cần có khả năng tài chính ổn định, do chi phí bảo hiểm nhân thọ thường cao hơn so với các loại bảo hiểm khác (như bảo hiểm y tế hay bảo hiểm xã hội). Những người có thu nhập cao thường có khả năng chi trả cho các khoản phí này mà không ảnh hưởng đến các nhu cầu tài chính khác của họ.

3. Kết luận

Lao động khu vực phi chính thức thường có cái nhìn khác biệt về việc chuẩn bị cho tuổi già so với những người lao động khu vực chính thức, chủ yếu do tính chất công việc không ổn định, thu nhập thấp và thiếu các chế độ bảo hiểm xã hội. Việc chuẩn bị cho tuổi già không phải là vấn đề đơn giản mà là một quá trình thay đổi, gắn liền với các giai đoạn khác nhau trong cuộc sống của lao động khu vực phi chính thức.

Nghiên cứu về sự chuẩn bị cho tuổi già của lao động khu vực phi chính thức tại địa bàn khảo sát cho thấy, phần lớn lao động trong khu vực này đều có sự chuẩn bị nhất định cho tuổi già về các mặt tài chính và tham gia bảo hiểm. Trong đó các nhóm giới tính, trình độ học vấn, nghề nghiệp và thu nhập đều có ảnh hưởng lớn đến cách lựa chọn các hình thức chuẩn bị tài chính cho tuổi già. Về mức độ chuẩn bị tài chính cho tuổi già, có sự khác biệt qua các yếu tố kinh tế và xã hội, thu nhập, nghề nghiệp. Một trong những lo ngại lớn nhất của người cao tuổi là trở thành gánh nặng cho con cái hoặc người thân trong gia đình. Vì thế, họ thường tìm cách chuẩn bị tài chính để duy trì sự độc lập khi về già, tránh bị phụ thuộc vào sự hỗ trợ tài chính của người khác.

Dù người dân tại địa bàn khảo sát đã có sự chuẩn bị cho tuổi già, tuy nhiên tư tưởng truyền thống về trách nhiệm của con trai và sự hỗ trợ từ gia đình vẫn là kỳ vọng lớn của họ về an sinh tuổi già. Đặc biệt, những yếu tố liên quan đến cấu trúc gia đình, số lượng con và truyền thống xã hội là những nhân tố ảnh hưởng nhiều hơn đến mong muốn hỗ trợ từ con cái của lao động phi chính thức tại nông thôn □

Tài liệu tham khảo

1. Phạm Tuấn Anh (2024), “Ảnh hưởng của hiểu biết tài chính cá nhân tới quyết định tiết kiệm qua các kênh chính thức của cư dân nông thôn miền Bắc Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học Thương mại*, số 190, tr. 105-116.
 2. OECD (2021), *Pensions at a glance 2021: OECD and G20 indicators*, OECD Publishing, <https://doi.org/10.1787/ca401ebd-en>
 3. Tổng cục Thống kê (2022), *Tổng quan về lao động có việc làm phi chính thức ở Việt Nam*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội.
 4. Tuan, T. A., Nam, P. K. and Loan, L. T. (2022), “The impact of health insurance on households’ financial choices: Evidence from Vietnam”, *Research in Economics*, 76 (3), pp. 264-276, <https://doi.org/10.1016/j.rie.2022.07.005>
 5. Viện Khoa học Lao động và Xã hội (2022), *Báo cáo nghiên cứu: Thực trạng tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện tại Việt Nam giai đoạn 2020-2022*, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
-
- (tiếp theo trang 59)*
13. Lê Ngọc Thắng và cộng sự (2016), “Dân tộc Lự”, trong: Vương Xuân Tình (chủ biên, 2016), *Các dân tộc ở Việt Nam*, Tập 2: *Nhóm Ngôn ngữ Tày Thái - Ka Dai*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
 14. Ngô Đức Thọ, Nguyễn Thúy Nga (1990), *Thiền uyển tập anh*, Nxb. Văn học, Hà Nội.
 15. Nguyễn Quốc Tuấn (2012), *Đặc điểm và vai trò của Phật giáo Việt Nam thế kỷ XX*, Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
 16. Đào Quang Vinh (2016), “Dân tộc Lào”, trong: Vương Xuân Tình (Chủ biên, 2016), *Các dân tộc ở Việt Nam*, Tập 2: *Nhóm Ngôn ngữ Tày Thái - Ka Dai*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.